

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG NÔNG THÔN VÙNG NAM BỘ TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA^(*)

TS. Hoàng Thị Ngọc Loan^(**)

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động là xu hướng tất yếu của quá trình phát triển nông thôn ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, nhằm gia tăng giá trị sản xuất các sản phẩm hàng hóa trên cơ sở phát huy thế mạnh của mỗi địa phương, vùng, miền. Đây là chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, thực hiện mục tiêu phát triển mạnh kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Thời gian qua, sự chuyển dịch cơ cấu lao động (CCLĐ) nông thôn vùng Nam bộ đã góp phần cải thiện kinh tế - xã hội nông thôn, nâng cao thu nhập, mức sống, kèm theo đó là tăng khả năng tiếp cận với các dịch vụ xã hội, như y tế, giáo dục, thông tin, văn hóa... cho người dân vùng này. Tuy nhiên, trong

quá trình thực hiện, bên cạnh những mặt tích cực, vẫn còn nhiều bất cập, cần những chính sách, giải pháp đồng bộ để khắc phục.

1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng Nam bộ trong quá trình CNH, HĐH

Nam bộ được chia thành 2 khu vực: Đông Nam bộ và Tây Nam bộ; tương ứng là 2 vùng kinh tế trọng điểm: Kinh tế trọng điểm phía Nam (bao gồm 8 tỉnh, thành phố) và Kinh tế trọng điểm Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) (gồm 4 tỉnh, thành phố). Vùng Nam bộ có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, gấp khoảng 1,5 lần tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả nước (giai đoạn 2010 - 2014). Chỉ riêng vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam sản xuất hơn 42% GDP, gần 40% kim ngạch xuất khẩu cả nước, đóng góp khoảng 60% ngân sách quốc gia⁽¹⁾. Đây cũng được xem là vùng kinh tế trọng điểm lớn nhất, trung tâm công nghiệp, thương mại, tài chính hàng đầu cả nước.

Khu vực ĐBSCL hàng năm sản xuất hơn 50% tổng sản lượng lương thực, cung ứng 90% lượng gạo xuất khẩu, 70% sản lượng trái cây và 50% sản lượng thủy sản của cả nước; tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khá cao (năm 2013 là 9,06%), thu nhập bình quân

^(*) Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học cấp Nhà nước: "Phát triển nguồn nhân lực vùng Nam bộ thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước" – Mã số KX03.19/11-15

^(**) Học viện Chính trị khu vực II, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

⁽¹⁾ Theo Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 03/5/2014

Bảng 1: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng Nam bộ

ĐVT: %

Năm	Tây Nam bộ [*]			Đông Nam bộ ^{**}		
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ	Nông Nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ
2011	51,7	16,8	31,5	8,1	51,5	40,4
2012	52,1	16,6	31,3	8,5	50,2	41,3
2013	36,49	25,75	37,76	10,2	47,6	42,2
2014	32,3	26,2	41,5	7,7	48,7	43,6

* Tổng hợp từ Niên giám thống kê Việt Nam năm 2012 và Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội vùng Tây Nam bộ năm 2013, 2014 của Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ

** Tổng hợp từ Niên giám thống kê các tỉnh Đông Nam bộ

đầu người đạt 34,61 triệu đồng; năm 2014, tốc độ tăng trưởng kinh tế của khu vực ước đạt 8,98%⁽²⁾.

Quá trình CNH, HĐH của vùng Nam bộ

đã làm chuyển đổi nền kinh tế dựa vào nông nghiệp là chính sang nền kinh tế công nghiệp và dịch vụ, thúc đẩy cơ cấu kinh tế của Vùng dịch chuyển theo hướng giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Tính đến giai đoạn 2011 - 2015, đa số các tỉnh, thành khu vực Đông Nam bộ đã chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, với tỷ trọng tương ứng là 48,7% - 43,6% - 7,7% (năm 2014).

Trong khi đó, tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế khu vực ĐBSCL còn khá cao, mặc dù đã có sự chuyển dịch khá rõ nét: từ 51,7% (năm 2011)

xuống còn 32,3% (năm 2014) (xem *Bảng 1*). Ở nhiều tỉnh, nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chiếm tỷ trọng cao, giữ vai trò quan trọng

⁽²⁾ Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ, *Thông tin tình hình kinh tế - xã hội vùng Tây Nam bộ năm 2014*

trong phát triển kinh tế - xã hội.

Nhìn tổng thể, quá trình CNH, HĐH đã thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng Nam bộ theo hướng công nghiệp hiện đại. Nhiều ngành công nghiệp mới, công nghệ cao ra đời; các ngành nghề dịch vụ phát triển

mạnh, đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đời sống xã hội, đặc biệt là các ngành dịch vụ chất lượng cao, như bảo hiểm, ngân hàng, tài chính, dịch vụ du lịch... Điều này dẫn đến sự

Bảng 2: Lực lượng lao động nông thôn từ 15 tuổi trở lên phân theo vùng (tính đến ngày 01/01/2014)

ĐVT: Nghìn người

Đơn vị hành chính	Chung	Nam	Nữ
Cả nước	37.406,2	19.139,2	18.267,1
Trung du và miền núi phía Bắc	6.242,3	3.126,4	3.115,9
Đồng bằng Sông Hồng ^(*)	6.392,0	3.106,2	3.285,8
Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung	8.821,3	4.414,0	4.407,3
Tây Nguyên	2.399,8	1.271,5	1.128,3
Đông Nam bộ ^(*)	2.789,0	1.525,8	1.263,2
ĐBSCL	7.738,2	4.212,5	3.525,7
Hà Nội	2.343,4	1.191,3	1.152,2
Tp. Hồ Chí Minh	680,3	291,6	388,7

Nguồn: Tổng cục Thống kê, *Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2013*, Nxb Thống kê, HN. 2014, tr.76

^(*) Đồng bằng Sông Hồng không bao gồm Hà Nội, Đông Nam bộ không bao gồm Tp. Hồ Chí Minh

thay đổi trong CCLĐ của Vùng. Tỷ trọng lao động công nghiệp, xây dựng và dịch vụ ngày càng tăng, tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm dần, đặc biệt là ở khu vực Đông Nam bộ. Quá trình CNH, HĐH cũng tác động mạnh đến CCLĐ nông thôn của vùng Nam bộ.

2. CCLĐ nông thôn vùng Nam bộ bước đầu chuyển dịch theo hướng tích cực

Vùng Nam bộ có khoảng 19,0421 triệu lao động từ 15 tuổi trở lên (tính đến ngày 01/01/2014), trong đó lực lượng lao động nông thôn khá dồi dào với 11,2075 triệu người, chiếm 58,86% lao động của Vùng và 29,96% lực lượng lao động nông thôn cả nước.

Quá trình CNH, HDH vùng Nam bộ và việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới với việc tích cực phát triển kinh tế nông thôn dẫn đến CCLĐ trong các lĩnh vực ngành nghề ở nông thôn có sự thay đổi rõ rệt. Tính đến quý IV/2014, lao động trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản khu vực Đông Nam bộ chiếm 30,9%, giảm đáng kể so với 37,1% năm 2011. Tuy nhiên, tỷ lệ lao động nông nghiệp khu vực ĐBSCL giảm không đáng kể trong 4 năm qua: từ 51,8% (năm 2011) xuống 50,4% vào quý IV/2014 (xem *Bảng 3*).

Kết quả đạt được về chuyển dịch CCLĐ năm 2014 tuy có tiến bộ so với năm 2011, nhưng vẫn còn chậm và có khoảng cách khá xa so với yêu cầu. Trong 4 năm (2011 - 2014), tỷ trọng lao động nông, lâm, thủy sản khu vực ĐBSCL mới giảm được 1,4 điểm phần trăm, bình quân mỗi năm giảm được 0,35 điểm phần trăm. Tuy kết quả chuyển dịch CCLĐ nông thôn những năm qua diễn ra còn chậm so với yêu cầu, chưa đều giữa các khu vực và các địa phương, nhưng cũng có điểm mới là xu hướng hoạt động đa dạng ngành nghề

Bảng 3: Cơ cấu lao động vùng Nam bộ các năm

DVT: %

Ngành kinh tế	Năm	Đông Nam bộ	ĐBSCL	Tp. Hồ Chí Minh	Cả nước
Nông nghiệp	2011	37,1	51,8	2,8	48,4
	2012	34,8	52,1	2,8	47,4
	2013	32,8	49,8	2,6	46,8
	Quý IV/2014	30,9	50,4	2,6	45,3
Công nghiệp - Xây dựng	2011	33,0	16,8	34,8	21,3
	2012	33,5	16,6	34,3	21,2
	2013	34,2	17,0	33,0	21,2
	Quý IV/2014	37,1	16,6	34,2	22,4
Dịch vụ	2011	29,9	31,5	62,4	30,3
	2012	31,8	31,3	62,9	31,4
	2013	33,0	33,2	64,4	32,0
	Quý IV/2014	32,1	32,9	63,2	32,4

Nguồn: Tổng hợp từ *Báo cáo điều tra lao động việc làm các năm* của Tổng cục Thống kê

của lao động ở khu vực nông thôn ngày càng tăng. Tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp khu vực Đông Nam bộ chiếm 18,5%, khu vực ĐBSCL là 21,3% và Tp. Hồ Chí Minh chỉ còn 6,7% (năm 2013) trong tổng số lao động nông thôn của Vùng (xem *Bảng 4*).

Ở khu vực Đông Nam bộ (không kể Tp. Hồ Chí Minh), tỉ lệ lao động nông thôn trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp giảm khá nhanh, từ 24,2% (năm 2011) xuống còn 18,5% (năm 2013); một số ngành nghề khác ở nông thôn cũng có sự chuyển dịch rõ nét, như lao động chuyên môn kỹ thuật bậc cao (tăng từ 2,2% (năm 2011) lên 3,9% (năm 2013)), dịch vụ cá nhân, bảo vệ và bán hàng (tăng từ 12,7% (năm 2011) lên 21,5% (năm 2013))... Điều này phù hợp với tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa của khu vực Đông Nam bộ và chuyển dịch CCLĐ nông thôn trong quá trình xây dựng nông thôn mới của các tỉnh, thành ở khu vực này.

Đáng lưu ý là các làng nghề ở nông thôn được khôi phục và phát triển, tạo nhiều việc làm, góp phần thúc đẩy sản xuất và chuyển

Bảng 4: Cơ cấu lao động nông thôn từ 15 tuổi trở lên vùng Nam bộ chia theo nghề nghiệp

DVT: %

Nghề nghiệp/đơn vị hành chính	Đông Nam bộ			ĐBSCL			Tp. Hồ Chí Minh		
	2011	2012	2013	2011	2012	2013	2011	2012	2013
Chung	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Nhà lãnh đạo	0,3	0,5	0,4	0,5	0,4	0,5	0,8	0,8	0,7
Chuyên môn kỹ thuật bậc cao	2,2	2,9	3,9	1,8	1,9	1,9	4,5	4,6	5,4
Chuyên môn kỹ thuật bậc trung	2,0	2,2	2,9	1,7	1,9	2,0	4,9	4,5	5,2
Nhân viên	1,1	1,7	1,4	0,9	1,0	1,1	2,5	2,0	2,8
Dịch vụ cá nhân, bảo vệ và bán hàng	12,7	15,3	21,5	14,0	13,1	14,5	23,5	25,8	26,8
Nghề trong nông, lâm, ngư nghiệp	24,2	20,2	18,5	21,4	22,0	21,3	7,6	6,7	6,7
Thợ thủ công và các thợ khác có liên quan	11,0	11,5	9,3	8,9	8,2	8,7	14,4	15,6	15,5
Thợ lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị	11,9	9,8	10,3	4,1	4,1	4,2	24,4	23,7	22,1
Nghề giản đơn	34,5	36,0	31,7	46,7	47,4	45,9	17,3	16,2	14,9

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2011, 2012, 2013 của Tổng cục Thống kê

dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Cùng với sự ra đời của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nhiều làng nghề được khôi phục và phát triển đã thu hút nguồn vốn lớn trong dân cư, tạo việc làm tại chỗ cho hàng chục vạn lao động và đào tạo, bồi dưỡng những lao động phổ thông thành lao động có kỹ thuật. Nhiều ngành dịch vụ cũng phát triển ở khu vực nông thôn, tạo điều kiện chuyển dịch lao động thuần nông sang các ngành lao động khác.

Ở khu vực ĐBSCL, do tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra chậm hơn và là khu vực có lợi thế về phát triển nông nghiệp, nên lao động nông thôn có sự chuyển dịch chậm hơn so với khu vực Đông Nam bộ. Lao động nông thôn làm việc trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp ít có sự chuyển dịch (21,4% năm 2011 và 21,3% năm 2013); tỉ lệ lao động trong các ngành nghề khác cũng dao động ở mức thấp; lao động giản đơn vẫn chiếm tỷ lệ

khá cao và chỉ giảm được 0,8 điểm phần trăm trong giai đoạn 2011 - 2013 (từ 46,7% xuống 45,9%). CCLĐ nông thôn của khu vực Tây Nam bộ chuyển dịch chậm, về cơ bản vẫn là thuần nông. Năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của một số nông sản phẩm còn thấp. Hoạt động nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp còn nhiều hạn chế...

Về trình độ chuyên môn kỹ thuật: sự phát triển của giáo dục - đào tạo và dạy nghề trong những năm qua, nhất là việc thực hiện chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn, đã góp phần nâng cao trình độ chuyên môn cho lao động của vùng. Trình độ của lao động nông thôn trong vùng Nam bộ đã có sự chuyển dịch tiến bộ, song còn khá chậm (xem Bảng 5).

Tp. Hồ Chí Minh là nơi có tốc độ phát triển nhanh, nhưng lao động nông thôn không có

Bảng 5: Cơ cấu lao động nông thôn vùng Nam bộ theo trình độ chuyên môn kỹ thuật

DVT: %

Trình độ CMKT/ đơn vị hành chính	Đông Nam bộ			Tp. Hồ Chí Minh			ĐBSCL		
	2011	2012	2013	2011	2012	2013	2011	2012	2013
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Không có trình độ CMKT	92,0	90,4	88,8	86,1	86,1	81,1	94,3	94,0	92,9
Dạy nghề	3,3	3,2	4,1	4,1	4,2	7,2	1,2	1,5	1,8
Trung cấp chuyên nghiệp	1,8	2,3	2,4	3,3	2,9	3,9	1,9	1,6	2,0
Cao đẳng	0,9	1,3	1,3	1,7	1,8	1,9	0,8	1,1	1,1
Đại học trở lên	2,1	2,9	3,4	4,8	5,0	5,9	1,9	1,9	2,2

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2011, 2012, 2013 của Tổng cục Thống kê

trình độ chuyên môn còn chiếm tỷ lệ khá cao và giảm chậm, từ 86,1% (năm 2011) xuống còn 81,1% (năm 2013); ở các bậc trình độ cao hơn, tốc độ tăng khá chậm, chỉ từ 0,1% (cao đẳng) đến 3,1% (dạy nghề) trong giai đoạn này. Ở khu vực Đông Nam bộ và ĐBSCL, lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cũng chuyển dịch khá chậm; tỉ lệ lao động không có trình độ chuyên môn còn khá cao, lần lượt là 88,8% và 92,9% (năm 2013). Lao động không có trình độ chuyên môn ở nông thôn chỉ có thể tìm được việc làm không đòi hỏi nhiều về kỹ năng nghề nghiệp, những ngành nghề lao động giản đơn, thu nhập thấp và do vậy, khó thích ứng với thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH của Vùng.

Đáng quan tâm nhất ở nông thôn là nạn thất nghiệp, thiếu việc làm đang rất nghiêm trọng, không chỉ trong những tháng nông nhàn (nhất

là tại những vùng đất chuyển đổi sang phát triển công nghiệp hoặc dịch vụ), mà diễn ra quanh năm. Mặc dù là vùng kinh tế phát triển với tốc độ nhanh so với các vùng khác trong cả nước, nhưng tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở nông thôn của cả khu vực Đông và Tây Nam bộ đều cao hơn mức trung bình của cả nước. Đặc biệt, tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực Tây Nam bộ cao hơn gần 2 lần so với mức chung của cả nước.

Tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa nhanh đã làm cho một bộ phận dân cư không còn đất để canh tác, trong khi trình độ nghề

Bảng 6: Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2013

DVT: %

	Tỷ lệ thất nghiệp			Tỷ lệ thiếu việc làm		
	Chung	Thành thị	Nông thôn	Chung	Thành thị	Nông thôn
Cả nước	2,18	3,59	1,54	2,75	1,48	3,31
Đồng bằng Sông Hồng	2,65	5,13	1,60	2,66	1,33	3,20
Trung du và miền núi phía Bắc	0,81	2,26	0,54	1,67	1,23	1,75
Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung	2,15	3,81	1,58	2,90	2,39	3,07
Tây Nguyên	1,51	2,07	1,30	2,42	2,09	2,54
Đông Nam bộ	2,70	3,34	1,69	0,92	0,43	1,68
ĐBSCL	2,42	2,96	2,24	5,20	2,80	6,00

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2013

ng nghiệp không có nên rất khó để chuyển đổi nghề. Bộ phận lao động này chủ yếu đi làm thuê theo mùa vụ, thường xuyên thiếu việc làm. Nhiều người dân sau khi nhận được số tiền đền bù ít ỏi trong điều kiện không nghề nghiệp, buộc phải di chuyển ra thành thị. Tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa giữa khu vực Đông và Tây Nam bộ khác nhau cũng là nguyên nhân dịch chuyển lao động nông thôn từ miền Tây sang miền Đông Nam bộ. Tuy nhiên, lao động di cư đến miền Đông Nam bộ chủ yếu là lao động giản đơn, không có trình độ chuyên môn kỹ thuật. Do vậy, đây cũng là nguyên nhân làm cho CCLĐ của khu vực Đông Nam bộ mất cân đối: thiếu lao động chuyên môn kỹ thuật, có tay nghề, thừa lao động giản đơn. Tình trạng lao động di cư còn làm cho khu vực này quá tải về hạ tầng kinh tế - xã hội...

Cùng với đó, hàng chục vạn phụ nữ nông thôn phải đi kiếm sống ở xứ người để mong có tiền gửi về giúp đỡ gia đình. Thực trạng trên cho thấy, các chương trình dạy nghề chưa đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi nghề cho lao động nông thôn trong quá trình CNH, HĐH vùng Nam bộ.

3. Một số giải pháp đẩy mạnh chuyển dịch CCLĐ nông thôn vùng Nam bộ

Mặc dù có những dấu hiệu tích cực của quá trình chuyển đổi CCLĐ và ngành nghề kinh tế nông thôn ở vùng Nam bộ, song, quá trình CNH, HĐH của Vùng vẫn chưa tạo được sự chuyển biến lớn trong CCLĐ nông thôn (cả về cơ cấu theo ngành nghề và trình độ chuyên môn, kỹ thuật). Chất lượng lao động nông thôn thấp dẫn đến sự chênh lệch trong các lĩnh vực khác, như thu nhập, nghèo đói, đời sống, vấn đề an sinh xã hội, di cư ồ ạt giữa các vùng (để tìm việc làm) gây khó khăn cho quản lý xã hội... Bên cạnh đó, sự phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, các ngành nghề phi nông nghiệp, đặc biệt là làng nghề, dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường: nước thải, chất thải do các làng nghề tại các

vùng quê gây ô nhiễm nguồn nước, không khí, đất đai, ảnh hưởng đến cây trồng, vật nuôi và sức khỏe người dân.

Để khắc phục những hạn chế còn tồn tại và tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu và nâng cao chất lượng lao động nông thôn vùng Nam bộ, **cần tập trung thực hiện một số vấn đề** sau:

- *Thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn, nhất là ở vùng Tây Nam bộ.* Phát triển mạnh kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, chuyển mạnh sang sản xuất các loại sản phẩm có thị trường và hiệu quả kinh tế cao; phát triển chăn nuôi với tốc độ và chất lượng cao hơn; xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với việc chuyển giao công nghệ sản xuất, bảo quản và chế biến; khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, tự phát. Tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh lại quy hoạch sản xuất nông nghiệp theo hướng: phát huy lợi thế tự nhiên của từng vùng, lợi thế kinh tế của từng loại cây trồng, vật nuôi; tăng tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ; hình thành vùng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường và công nghiệp chế biến, bảo đảm hiệu quả bền vững và an ninh lương thực quốc gia...

Mỗi địa phương cần đặt mình trong thị trường thống nhất, không chỉ là thị trường cả nước, mà còn là thị trường quốc tế, trên cơ sở đó xác định những khả năng, thế mạnh của mình để tập trung phát triển, tham gia vào quá trình phân công và hợp tác lao động có hiệu quả.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, nhất là việc nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, kỹ thuật canh tác và môi trường, công nghệ sau thu hoạch; ứng dụng công nghệ sinh học và xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao; nâng cao khả năng phòng ngừa và khắc phục dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi... Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để

các doanh nghiệp và hợp tác xã đầu tư phát triển công nghiệp bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản...

Việc phát triển mạnh nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa hiện đại chất lượng cao sẽ góp phần chuyển dịch cơ cấu và nâng cao chất lượng lao động nông thôn; đồng thời sẽ tạo ra những ngành nghề mới phục vụ cho quá trình phát triển sản xuất nông nghiệp, tạo việc làm mới cho lao động nông thôn.

- *Tập trung phát triển các làng nghề, thương mại, dịch vụ ở nông thôn*; phát triển các ngành công nghiệp phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (sản xuất, phân phối các sản phẩm đầu vào cho sản xuất nông nghiệp; bảo quản, chế biến, phân phối các sản phẩm đầu ra...), nhằm tạo ra ngành nghề đa dạng ở nông thôn, tạo nhiều việc làm mới. Trên cơ sở đó mới có thể phát huy hết các nguồn lực cho phát triển kinh tế nông thôn của vùng, góp phần nâng cao đời sống cho cư dân nông thôn.

- *Tập trung đầu tư phát triển hệ thống giáo dục - đào tạo ở khu vực nông thôn*, nhất là ở Tây Nam bộ, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Chú trọng công tác hướng nghiệp, đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp. Tập trung giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho nông dân và lao động nông thôn, đặc biệt quan tâm giải quyết việc làm và thu nhập cho nông dân có đất bị thu hồi để sử dụng vào mục đích phát triển khu công nghiệp, khu đô thị, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Tạo điều kiện cho lao động nông thôn có việc làm tại chỗ và ngoài khu vực nông thôn. Có chính sách trợ giúp thiết thực để đẩy mạnh đào tạo nghề cho nông dân và lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và tìm việc làm ngoài khu vực nông thôn, kể cả đi lao động ở nước ngoài.

- *Tiếp tục đầu tư nhiều hơn cho chương trình xóa đói, giảm nghèo, trợ giúp thiết thực cho các vùng và cộng đồng dân cư còn nhiều*

khó khăn, vùng sâu, vùng xa; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển hệ thống khuyến nông, nâng cao dân trí và có chính sách tín dụng cho người nghèo từng bước vượt qua khó khăn, thoát nghèo và nâng cao mức sống một cách bền vững... Tập trung đầu tư để hoàn thành cơ bản chương trình kiên cố hóa trường học, thực hiện tốt hơn chương trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng; thực hiện ngày càng có nền nếp và chất lượng về quy chế dân chủ ở nông thôn; đẩy mạnh phong trào xây dựng làng xã văn hóa, nâng cao chất lượng hoạt động các thiết chế văn hóa ở cơ sở nhằm giữ gìn và phát triển truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

- *Tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước và đa dạng hóa các nguồn vốn để tiếp tục đầu tư phát triển mạnh hơn cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn*. Ưu tiên nâng cấp và xây dựng mới các hệ thống thủy lợi đồng bộ, di dời với đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý để bảo đảm an toàn về nước. củng cố hệ thống hồ đập, kè ven sông, ven biển; nâng cấp các hệ thống cảnh báo, chủ động phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường nước. Tiếp tục đầu tư phát triển giao thông nông thôn, bảo đảm các xã đều có đường ô tô tới khu trung tâm, từng bước phát triển đường ô tô tới thôn, góp phần nâng cao dần chất lượng sống của dân cư nông thôn □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS. Lê Xuân Bá, *Nghiên cứu dự báo chuyển dịch CCLĐ nông nghiệp, nông thôn và các giải pháp giải quyết việc làm trong quá trình đẩy mạnh CNH, HDH và đô thị hóa ở nước ta*, Đề tài cấp nhà nước KX. 02.01/06-10, năm 2009
2. Mai Thành, *Về chuyển đổi CCLĐ nông thôn sau thu hồi đất*, www.tapchicongsan.gov.vn, ngày 11/08/2009
3. PGS, TS. Nguyễn Thị Thơm, ThS. Phí Thị Hằng, (Đồng chủ biên) *Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trong quá trình đô thị hóa*, Nxb CTQG, HN. 2009